

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Thứ hai, ngày 6 tháng 4 năm 2020

Vietnam Daily Review

Hàng loạt cổ phiếu tăng trần, VN-Index lấp gap giảm điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/4/2020		●	
Tuần 6/4-10/4/2020			●
Tháng 4/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Nhip hồi phục trong cuối tuần trước được duy trì trong phiên sáng hôm nay khi một loạt các mã cổ phiếu vốn hóa lớn ghi nhận mức tăng tốt. VIC, VHM, BID, VCB, GAS là các trụ đỡ chính của VN-Index. Đến phiên chiều, chỉ số nới rộng đà tăng và kết phiên ở mức cao nhất trong ngày. Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về bên mua với 330 mã cổ phiếu tăng giá, trong nhóm VN30 có đến 18 cổ phiếu tăng trần. Tâm lý nhà đầu tư đã chuyển về trạng thái tích cực khi thanh khoản tăng mạnh và HDTL tất cả các kì hạn cũng đồng loạt tăng trở lại. Với việc thành công lấp gap giảm giá, VN-Index đã xác nhận quay xu hướng hồi phục trong ngắn hạn và hình thành mô hình 2 đáy. Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh tại Việt Nam dường như đã nằm trong tầm kiểm soát, nhà đầu tư có thể mở vị thế tại các mã cổ phiếu có cơ bản tốt đã điều chỉnh sâu trong thời gian qua.

Hợp đồng tương lai: Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Thanh khoản tăng, VN30 có thể kiểm tra ngưỡng 690 điểm trong những phiên tiếp theo.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 6/4/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng tích cực.

Danh mục i-Invest: Theme_Dầu khí _7.1%. 19/23 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Dầu khí** - kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **7.1%**, con số này của VNINDEX là 5.0%

Phân tích kỹ thuật: VCS_Hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+34.95 điểm**, đóng cửa 736.75. HNX-Index **+5.42 điểm**, đóng cửa 103.26.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+6.22); VHM (+3.84); BID (+2.82); VCB (+2.63); GAS (+2.11)**.
- Kéo chỉ số giảm: **QCG (-0.02); HRC (-0.02); DTL (-0.02); THI (-0.01); CLL (-0.01)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,786 tỷ đồng**, **+42%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 21.36 điểm. Thị trường có **330 mã tăng**, 42 mã tham chiếu và **59 mã giảm**.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **669.26 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (212.75 tỷ), VCB (64.72 tỷ) và VNM (61.31 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **2.69 tỷ đồng**.

VN-INDEX 736.75

Giá trị: 3786.62 tỷ

34.95 (4.98%)

Khối ngoại (ròng): -669.26 tỷ

HNX-INDEX 103.26

Giá trị: 575.14 tỷ

5.42 (5.54%)

Khối ngoại (ròng): -2.69 tỷ

UPCOM-INDEX 50.33

Giá trị: 0.39 tỷ

1.19 (2.42%)

Khối ngoại (ròng): -24.59 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	27.5	-3.07%
Giá vàng	1,636	0.93%
Tỷ giá USD/VND	23,453	-0.40%
Tỷ giá EUR/VND	25,377	-0.61%
Tỷ giá JPY/VND	21,477	-1.20%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	13.15%
LS TPCP 5 năm	3.0%	-4.43%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	6.9	VIC	212.7
MSN	6.1	VCB	64.7
PHR	4.8	VNM	61.3
SAB	3.8	VRE	34.3
NVL	2.2	VPB	25.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **19/23 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Dầu khí** - kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **7.1%**, con số này của VNINDEX là 5.0%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **7/9 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

- **1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

6/4/2020

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_7.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Dầu khí	7.1%	8.9%	-25.4%	-35.1%	-39.6%	-41.3%	-22.3%	25.0%
Ngân hàng	6.5%	5.7%	-22.4%	-17.8%	-17.6%	-10.4%	36.7%	23.3%
Lãi suất giảm	6.4%	10.6%	-23.5%	-25.4%	-30.8%	-31.2%	-2.6%	19.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	6.3%	8.0%	-24.5%	-25.5%	-25.8%	-10.2%	40.4%	21.0%
VN Diamond	6.2%	4.7%	-24.8%	-24.3%	-27.7%	-15.2%	12.0%	18.9%
Corona Avengers	6.0%	8.5%	-23.6%	-35.8%	-40.7%	-42.3%	-8.4%	21.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	6.0%	8.1%	-17.8%	-22.1%	-24.5%	-18.0%	18.5%	17.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	6.0%	5.8%	-23.8%	-18.6%	-20.2%	-16.8%	7.3%	21.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	5.8%	4.4%	-23.0%	-25.1%	-28.1%	-16.1%	13.0%	18.9%
Chiến tranh thương mại	5.8%	6.9%	-24.8%	-29.3%	-34.9%	-34.2%	-27.7%	17.5%
VN FinSelect	5.7%	4.6%	-23.4%	-19.2%	-21.2%	-18.4%	3.8%	19.7%
Vật liệu Xây dựng	5.7%	11.2%	-18.1%	-23.8%	-24.8%	-23.3%	-24.5%	20.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	5.7%	6.7%	-17.1%	-21.3%	-27.4%	-21.1%	13.8%	16.4%
Hàng tiêu dùng	5.5%	8.7%	-18.7%	-24.1%	-32.6%	-27.9%	4.8%	19.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	5.3%	8.9%	-18.8%	-23.3%	-30.8%	-36.4%	-6.2%	22.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	5.3%	5.7%	-12.1%	-15.3%	-14.6%	-12.3%	19.5%	15.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	5.2%	6.9%	-15.1%	-23.2%	-26.0%	-26.5%	32.7%	15.7%
Xây dựng	5.1%	6.5%	-18.9%	-22.7%	-36.0%	-38.4%	-33.7%	19.2%
Stay-at-home	5.1%	7.4%	-22.5%	-10.3%	-25.0%	-16.9%	18.3%	16.2%
Nước & Năng lượng	4.7%	6.9%	-15.0%	-23.2%	-27.7%	-25.0%	9.7%	16.1%
FTSE Việt Nam	4.6%	6.3%	-13.6%	-21.4%	-23.1%	-23.6%	42.1%	16.6%
BDS & Khu công nghiệp	4.2%	2.7%	-22.0%	-28.5%	-30.5%	-28.6%	-4.6%	17.2%
Ngành Dược	3.6%	5.5%	-8.6%	-7.1%	-8.4%	-5.2%	14.9%	18.1%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 9	6.7%	9.8%	-21.5%	-25.2%	-23.8%	-24.4%	48.4%	20.9%
Danh mục 3	6.5%	6.3%	-27.5%	-27.7%	-34.1%	-24.9%	15.0%	21.9%
Danh mục 6	5.9%	5.8%	-22.4%	-21.3%	-26.9%	-20.3%	14.5%	20.5%
Danh mục 1	4.3%	7.2%	-17.2%	-21.1%	-19.6%	-12.9%	32.5%	18.6%
Danh mục 7	4.3%	5.2%	-20.1%	-25.5%	-27.7%	-17.8%	13.4%	16.9%

* Note
7/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Khẩu vị Rủi ro							
Danh mục 12	6.6%	8.6%	-20.0%	-23.4%	-26.1%	-12.6%	57.1%	18.6%
Danh mục 10	4.6%	7.9%	-16.5%	-21.8%	-22.2%	-11.0%	16.4%	16.9%
Danh mục 11	4.1%	6.1%	-14.0%	-18.3%	-21.0%	-9.1%	18.0%	17.2%

* Note
1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX								
VNINDEX	5.0%	5.8%	-17.5%	-23.7%	-25.7%	-25.3%	2.0%	16.7%
VN30INDEX	5.2%	6.3%	-18.6%	-22.5%	-25.8%	-24.5%	-1.3%	17.2%

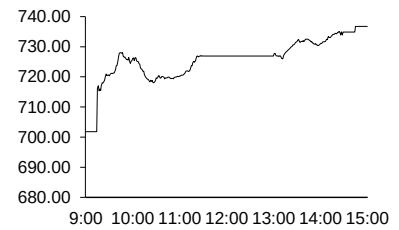
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

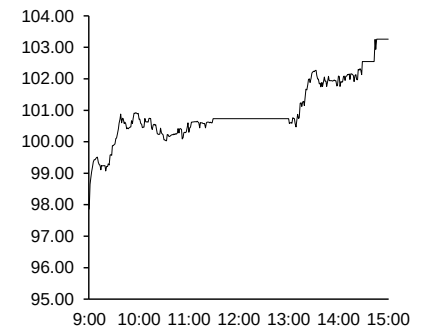
Vũ Quốc Khánh
khanhvg@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	6.3%
Công nghệ Thông tin	5.8%
Bất động sản	5.8%
Ngân hàng	5.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5.7%
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.6%
Tài nguyên Cơ bản	5.2%
Ô tô và phụ tùng	5.1%
Bảo hiểm	4.9%
Dịch vụ tài chính	4.3%
Hóa chất	4.1%
Viễn thông	3.8%
Thực phẩm và đồ uống	3.5%
Y tế	2.9%
Xây dựng và Vật liệu	2.9%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.5%
Du lịch và Giải trí	2.5%
Truyền thông	1.8%
Dầu khí	1.7%

Nguồn: FiinPro

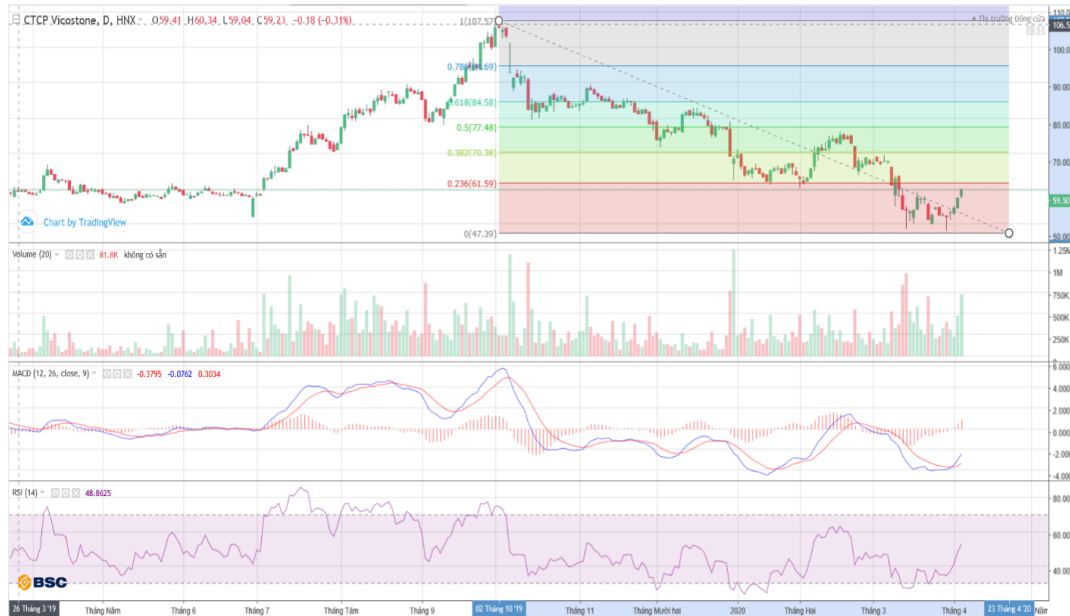
Phân tích kỹ thuật

VCS_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, RSI phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: VCS đã hình thành mô hình 2 đáy. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với thấy nhịp tăng giá ngắn hạn. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ tín hiệu hồi phục. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. VCS nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại vùng giá 70 trong các phiên giao dịch tới. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng giá 57-60 và chốt lãi ngắn hạn tại vùng giá 70-75. Cắt lỗ ngắn cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 55.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

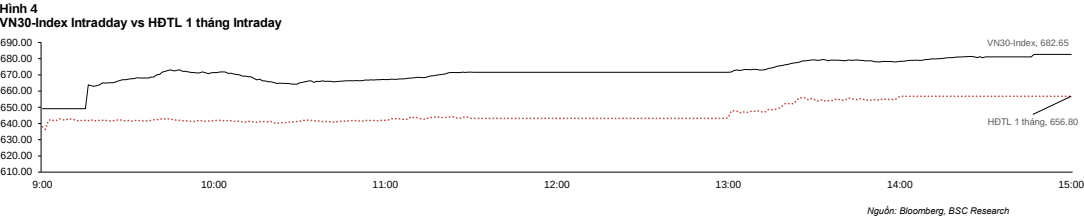
KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2004	613.90	4.05%	-68.75	-16.9%	181,611	4/16/2020	13
VN30F2005	609.50	3.66%	-73.15	11.0%	886	5/21/2020	48
VN30F2006	609.70	2.99%	-72.95	101.5%	137	6/18/2020	76
VN30F2009	614.30	4.38%	-68.35	6.6%	113	9/17/2020	167

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh 33.50 điểm lên mức 682.65 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, TCB, VPB, HPG, và MSN tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 tăng mạnh trong phiên ATO, trước khi tích lũy quanh 665-670 điểm. Sang phiên chiều, VN30 tăng tích cực lên trên 680 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể kiểm tra ngưỡng 690 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2004 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2005 và VN30F2006 đang giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2004 và VN30F2006 đang giảm, trong khi VN30F2005 và VN30F2009 đang tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn và hồi phục trong trung hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CSTB2001	KIS	6/19/2020	77	1:1	449,560	36.2%	5.0 triệu	35.86%	1,500	400	73.91%	83.60	4.78
CSTB2002	KIS	12/16/2020	257	1:1	88,420	88.6%	3.0 triệu	35.86%	1,700	1,340	65.43%	333.60	4.02
CROS2001	KIS	6/19/2020	77	4:1	940,680	89.5%	10.0 triệu	59.27%	1,500	80	60.00%	-	-
CMWG2001	HSC	6/22/2020	80	10:1	337,730	568.5%	5.0 triệu	35.69%	1,700	60	50.00%	0.60	100.00
CMWG2002	MBS	4/24/2020	21	10:1	48,030	7068.7%	2.0 triệu	35.69%	1,950	100	42.86%	4.00	25.00
CHPG2004	SSI	6/15/2020	73	1:1	79,130	160.3%	5.0 triệu	32.51%	2,800	330	17.86%	90.30	3.65
CDPM2001	KIS	6/19/2020	77	2:1	230,130	60.3%	2.0 triệu	33.45%	1,000	350	16.67%	130.00	2.69
CMSN2001	KIS	12/16/2020	257	5:1	99,850	17.1%	2.0 triệu	30.99%	2,300	1,450	14.17%	605.30	2.40
CHDB2001	KIS	6/19/2020	77	2:1	373,130	-35.4%	5.0 triệu	33.08%	2,000	90	12.50%	13.70	6.57
CFPT1908	MBS	6/17/2020	75	3:1	63,630	-53.6%	2.4 triệu	30.56%	3,150	290	11.54%	239.00	1.21
CHDB2003	KIS	12/16/2020	257	2:1	104,020	76.3%	2.0 triệu	33.08%	2,700	630	8.62%	99.60	6.33
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	110	1:1	100,430	-19.5%	1.5 triệu	36.58%	2,200	800	2.56%	534.50	1.50
CHPG2003	MBS	5/4/2020	31	3:1	557,320	57.4%	6.0 triệu	32.51%	1,570	110	0.00%	-	-
CMBB2001	HSC	6/22/2020	80	2:1	105,790	-1.6%	5.0 triệu	31.33%	1,600	90	0.00%	13.30	6.77
CREE1905	MBS	6/17/2020	75	3:1	13,670	-36.1%	2.4 triệu	29.87%	2,150	350	-5.41%	77.40	4.52
CVNM2002	KIS	12/16/2020	257	5:1	52,130	136.3%	3.0 triệu	27.52%	3,200	1,170	-5.65%	145.00	8.07
CSBT2001	KIS	12/16/2020	257	1:1	71,010	107.0%	2.0 triệu	32.14%	2,900	760	-6.17%	129.40	5.87
CVPB2001	HSC	6/22/2020	80	2:1	383,440	-0.9%	5.0 triệu	36.58%	1,500	560	-6.67%	416.20	1.35
CVRE2001	KIS	9/21/2020	171	4:1	160,000	-40.2%	8.0 triệu	35.26%	1,500	130	-13.33%	6.30	20.63
CGMD2001	HSC	6/22/2020	80	4:1	30,910	-33.5%	5.0 triệu	29.83%	1,000	30	-25.00%	0.20	150.00
CTCB1902	VND	6/5/2020	63	1:1	2,260	-52.5%	2.0 triệu	32.31%	5,300	210	-30.00%	60.40	3.48
Tổng:					4,291,070		83.30 triệu	34.28%**					
Chú thích:					Bảng báo gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 6/4/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng tích cực.
- Về giá, CSTB2001 và CMWG2002 tăng mạnh lần lượt là 73.91% và 42.86%. Thanh khoản tăng 12.04%. CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.50% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là DPM và FPT, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2001 và CVPB2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CDPM2002 và CSTB2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	97.30	6.92	3.95
TCB	16.95	6.94	3.41
VPB	18.75	6.84	2.79
HPG	18.85	6.80	2.71
MSN	55.90	6.88	2.29

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	99.9	0.00	0.00
PLX	40.1	0.50	0.03
NVL	52.0	0.19	0.05
ROS	4.0	6.99	0.09
CTD	51.6	6.94	0.16

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKKS
CSTB2001	12,499	10,999	8,350
CSTB2002	13,588	11,888	8,350
CROS2001	32,468	26,468	3,720
CMWG2001	132,000	115,000	65,400
CMWG2002	129,500	110,000	65,400
CHPG2004	26,300	23,500	17,650
CDPM2001	16,567	14,567	12,400
CMSN2001	77,289	65,789	52,300
CHDB2001	33,099	29,099	19,550
CFPT1908	63,450	54,000	44,600
CHDB2003	37,523	32,123	19,550
CVPB2003	24,200	22,000	17,550
CHPG2003	26,810	22,100	17,650
CMBB2001	24,200	21,000	14,750
CREE1905	39,124	32,977	28,850
CVNM2002	157,111	141,111	95,000
CSBT2001	24,011	21,111	12,800
CVPB2001	23,000	20,000	17,550
CVRE2001	42,789	36,789	19,500
CGMD2001	29,000	25,000	15,200
CTCB1902	26,300	21,000	15,850

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	69.9	6.9%	1.1	1,376	1.5	8,655	8.1	2.5	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	55.5	6.9%	1.3	543	3.0	5,361	10.4	2.7	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	45.3	7.0%	1.4	1,460	2.2	1,632	27.7	1.8	28.9%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	30.5	2.7%	0.6	306	1.6	2,623	11.6	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	97.3	6.9%	0.9	14,309	11.2	2,310	42.1	4.2	14.5%	11.7%
VRE	Bất động sản	20.9	6.9%	1.1	2,060	4.0	1,226	17.0	1.8	31.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	52.0	0.2%	0.8	2,192	0.6	3,552	14.6	2.3	5.9%	16.6%
REE	Bất động sản	30.2	4.7%	0.9	407	0.7	5,287	5.7	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	8.9	7.0%	1.5	201	1.0	2,850	3.1	0.7	42.3%	20.3%
SSI	Chứng khoán	14.2	6.8%	1.3	319	3.4	1,787	7.9	0.8	51.8%	9.9%
VCI	Chứng khoán	15.9	5.7%	1.0	113	0.2	4,240	3.7	0.6	35.1%	18.0%
HCM	Chứng khoán	13.6	6.7%	1.7	180	1.1	1,421	9.5	1.0	54.0%	11.7%
FPT	Công nghệ	47.5	6.5%	0.8	1,408	5.5	4,631	10.3	2.3	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	43.5	4.8%	0.4	470	0.0	4,812	9.0	2.3	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	63.0	6.4%	1.5	5,243	4.1	6,092	10.3	2.5	3.4%	25.4%
PLX	Dầu khí	40.1	0.5%	1.5	2,076	3.4	3,495	11.5	2.1	13.3%	19.6%
PVS	Dầu khí	11.3	9.7%	1.6	235	3.3	1,529	7.4	0.5	15.9%	6.2%
BSR	Dầu khí	6.1	8.9%	0.8	822	1.2	898	6.8	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	84.0	2.7%	0.6	478	0.1	4,668	18.0	3.3	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	12.9	3.6%	0.6	219	0.7	774	16.6	0.6	18.1%	4.7%
DCM	Hóa chất	5.9	3.0%	0.5	135	0.2	592	9.9	0.5	1.8%	5.1%
VCB	Ngân hàng	68.0	3.8%	1.2	10,965	6.2	5,003	13.6	3.1	23.7%	25.9%
BID	Ngân hàng	36.7	7.0%	1.7	6,418	3.0	2,366	15.5	2.0	17.9%	13.3%
CTG	Ngân hàng	20.1	6.9%	1.3	3,254	9.1	2,541	7.9	1.0	29.7%	13.2%
VPB	Ngân hàng	18.8	6.8%	1.2	1,987	4.2	3,379	5.5	1.1	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	15.8	6.8%	1.1	1,651	5.4	3,476	4.5	1.0	23.0%	22.1%
ACB	Ngân hàng	20.6	7.9%	1.0	1,484	5.0	3,694	5.6	1.2	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	38.0	5.4%	0.9	135	0.3	5,165	7.3	1.3	79.5%	17.2%
NTP	Nhựa	28.2	0.4%	0.3	120	0.0	4,167	6.8	1.1	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.6	0.0%	0.7	628	0.0	356	41.0	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	18.9	6.8%	1.1	2,263	8.2	2,588	7.3	1.1	36.6%	17.1%
HSG	Thép	5.6	6.9%	1.7	102	1.5	1,161	4.8	0.4	17.8%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	96.2	1.3%	0.7	7,284	7.7	5,478	17.6	6.1	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	132.0	5.6%	0.8	3,680	0.5	7,477	17.7	4.5	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	55.9	6.9%	1.0	2,841	6.1	4,772	11.7	1.5	36.2%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	13.7	6.6%	0.7	348	1.1	508	26.9	1.1	6.1%	4.4%
ACV	Vận tải	48.5	8.0%	0.8	4,591	1.2	2,630	18.4	3.4	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	99.9	0.0%	1.1	2,275	2.0	7,889	12.7	3.4	18.7%	28.7%
HVN	Vận tải	20.7	7.0%	1.7	1,273	1.3	1,640	12.6	1.6	9.7%	12.8%
GMD	Vận tải	16.3	6.9%	0.9	210	0.3	1,595	10.2	0.8	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	9.2	7.0%	0.9	113	0.7	2,398	3.8	0.6	28.6%	16.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	59.5	3.8%	1.1	414	1.9	8,824	6.7	2.8	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	15.4	3.4%	0.7	300	0.2	1,453	10.6	1.1	13.1%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	11.3	6.6%	0.8	187	0.0	1,941	5.8	0.8	6.4%	14.1%
CTD	Xây dựng	51.6	6.9%	1.1	171	0.2	8,859	5.8	0.5	46.7%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.8	0.4%	0.7	476	0.1	1,567	15.8	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	19.4	3.5%	0.4	209	1.6	2,769	7.0	0.9	47.1%	12.9%
POW	Điện	8.1	5.7%	0.6	829	1.8	1,028	7.9	0.7	12.3%	9.4%
NT2	Điện	18.1	6.2%	0.5	227	0.5	2,560	7.1	1.3	17.5%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	97.30	6.92	6.08	2.70MLN
VHM	61.70	6.93	3.83	534020.00
BID	36.70	7.00	2.76	1.88MLN
VCB	68.00	3.82	2.65	2.11MLN
GAS	63.00	6.42	2.08	1.51MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
QCG	0.00	-0.02	1.93MLN	1.11MLN
HRC	-0.01	-0.02	140.00	607060.00
DTL	-0.01	-0.02	160.00	373600.00
THI	0.00	-0.02	2000.00	192700.00
CLL	-0.01	-0.02	120.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TVB	17.30	10.49	0.02	327890.00
BID	36.70	7.00	2.76	1.88MLN
TDH	6.73	7.00	0.01	1.61MLN
HVN	20.65	6.99	0.55	1.51MLN
TNT	1.53	6.99	0.00	191080.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VID	3.91	-6.90	0.00	60.00
HRC	34.50	-6.88	-0.02	140.00
DTL	15.70	-6.82	-0.02	160.00
PNC	10.25	-6.82	0.00	4290.00
SVI	52.00	-6.81	-0.01	1630.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	20.60	7.85	2.40	5.75MLN
SHB	14.60	9.77	1.73	9.06MLN
PVS	11.30	9.71	0.24	6.76MLN
DGC	21.40	7.54	0.11	91900.00
NVB	8.40	2.44	0.08	1.24MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

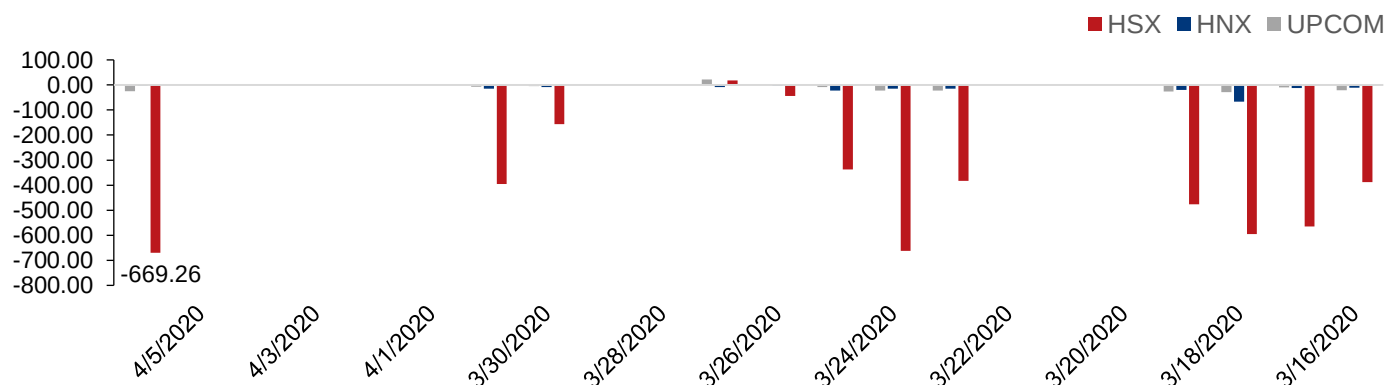
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNR	18.90	-5.50	-0.02	2100.00
PVX	0.70	-12.50	-0.02	1.54MLN
KLF	1.50	-6.25	-0.02	5.35MLN
DNP	17.30	-1.14	-0.01	16300.00
SHN	8.40	-1.18	-0.01	10100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	716000.00
SPI	0.80	14.3	0.00	9400.00
MPT	1.00	11.1	0.00	329000.00
APS	2.20	10.0	0.01	23800.00
HHG	1.10	10.0	0.00	69600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.30	-25.00	0.00	96500.00
SPP	0.60	-14.29	0.00	25300.00
SD5	4.30	-14.00	-0.01	5700.00
PVX	0.70	-12.50	-0.02	1.54MLN
MEC	0.90	-10.00	0.00	200.00



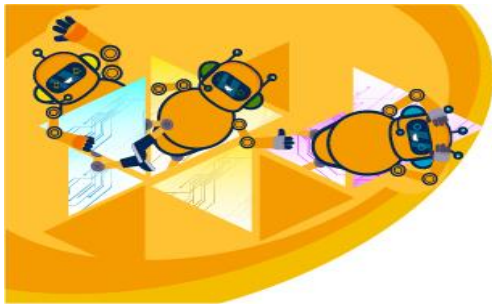
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
4	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
8	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
9	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	16.3	1,595	10.2	0.8	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	20.6	3,694	5.6	1.2	Click
3	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	12.4	1,954	6.3	0.6	Click
4	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	132.0	7,477	17.7	4.5	Click
5	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	18.7	1,688	11.1	1.3	Click
6	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	96.2	5,478	17.6	6.1	Click
7	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	10.8	2,690	4.0	0.6	Click
8	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	69.9	8,655	8.1	2.5	Click
9	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	23.5	7,380	3.2	0.9	Click
10	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	47.5	4,631	10.3	2.3	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	16.6	2,109	7.8	1.2	Click
12	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	20.4	3,897	5.2	0.9	Click
13	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	84.0	4,668	18.0	3.3	Click
14	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	24.9	4,313	5.8	1.2	Click
15	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	55.5	5,361	10.4	2.7	Click
16	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	9.2	2,398	3.8	0.6	Click
17	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	153.9	14,782	10.4	4.2	Click
18	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	8.1	0	18.1	0.2	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	69.9	8,655	8.1	2.5	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	20.6	3,694	5.6	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Duệ). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNTT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express LPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A Giá tại Publish 6900 LN tăng trưởng mạnh nhờ việc cắt chi phí dự phòng + tăng mạnh từ phí dịch vụ. Trong năm 2020, chúng tôi kỳ vọng LPB sẽ trích lập dự phòng nhiều hơn. Chất lượng tài sản, theo đánh giá của BSC, đang ở mức trung bình ngành và có xu hướng gia tăng về mức độ rủi ro. Tỷ lệ an toàn vốn, theo ước tính của BSC, giảm nhẹ, tuy nhiên vẫn đáp ứng được mức đề ra của SBV. Chúng tôi không có nhiều kỳ vọng về tăng trưởng trong năm 2020 của LPB, kỳ vọng tăng trưởng LN ở mức 10%-12% trong năm tới.
Express TCB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 26000 ; Giá tại Publish 17900 Dự báo 2020: TOI = 25,938 tỷ VND (+23.1% yoy), LNTT = 15,177 tỷ VND (+18.2% yoy), BVPS 2020 = 21,120 VND/cp. LNTT +20.4% yoy nhờ: (1) Tăng trưởng từ lãi tiếp tục được cải thiện nhờ tăng trưởng tín dụng +19% ytd, NIM cải thiện 24 bps. (2) OPEX tăng mạnh, tuy nhiên nhờ việc trích lập dự phòng giúp LN vẫn tăng trưởng ở mức cao. CIR tăng lên mức 34.7%. Chất lượng tài sản được cải thiện, giảm chi phí dự phòng. Tuy nhiên, mức trích lập dự phòng thấp so với kỳ vọng của BSC. CAR giữ ở mức cao, đảm bảo an toàn.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn